

**Tổng Công ty Cổ phần
Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thông tin về Tổng Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0300583659

ngày 29 tháng 2 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300583659 ngày 18 tháng 5 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Pramoad Phornprapha	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vỹ	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên
Bà Trần Kim Nga	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Lương Thanh Hải	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Neo Gim Siong Bennett	Tổng Giám đốc
Ông Teo Hong Keng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ng Kuan Ngee Melvyn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lâm Du An	Phó Tổng Giám đốc
	Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn
	- Nguyễn Chí Thanh
Ông Hoàng Đạo Hiệp	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm toán

Ông Pramoad Phornprapha	Trưởng ban Kiểm toán
Ông Nguyễn Tiến Vỹ	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Neo Gim Siong Bennett	Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh
Phường 12, Quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 59 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Ngo Kim Siong Bennett
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 59.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-01-00362-20-1



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0414-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		14.263.287.297.926	15.490.812.966.630
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	2.333.693.857.561	2.341.350.753.751
Tiền	111		128.693.857.561	56.350.753.751
Các khoản tương đương tiền	112		2.205.000.000.000	2.285.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.485.000.000.000	11.783.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8	10.485.000.000.000	11.783.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.049.080.873.858	775.262.434.498
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	635.522.516.625	278.521.975.504
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.205.283.325	7.963.987.250
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	734.465.068.164	816.888.466.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11(a)	(328.111.994.256)	(328.111.994.256)
Hàng tồn kho	140	12(a)	321.096.081.168	513.934.797.433
Hàng tồn kho	141		345.363.826.286	548.140.994.422
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(24.267.745.118)	(34.206.196.989)
Tài sản ngắn hạn khác	150		74.416.485.339	77.264.980.948
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	74.416.485.339	66.757.215.606
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	10.507.552.618
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	212.724

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn				
(200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		5.760.670.921.835	5.848.217.722.487
Các khoản phải thu dài hạn	210		319.563.959.874	322.008.298.914
Phải thu về cho vay dài hạn	215		4.000.000.000	4.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	348.498.270.679	350.942.609.719
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	11(b)	(32.934.310.805)	(32.934.310.805)
Tài sản cố định	220		1.532.104.862.026	1.413.215.018.102
Tài sản cố định hữu hình	221	14	665.459.101.213	544.185.439.401
Nguyên giá	222		3.606.794.715.702	3.412.801.031.561
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.941.335.614.489)	(2.868.615.592.160)
Tài sản cố định vô hình	227	15	866.645.760.813	869.029.578.701
Nguyên giá	228		993.148.448.824	992.771.603.824
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(126.502.688.011)	(123.742.025.123)
Bất động sản đầu tư	230	16	3.373.938.160	3.569.605.132
Nguyên giá	231		7.859.289.977	7.859.289.977
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(4.485.351.817)	(4.289.684.845)
Tài sản dở dang dài hạn	240		32.003.958.881	183.331.947.357
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	32.003.958.881	183.331.947.357
Đầu tư tài chính dài hạn	250	8	3.678.047.619.943	3.693.422.463.811
Đầu tư vào các công ty con	251		2.837.212.995.029	2.837.212.995.029
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	252		613.705.350.635	613.705.350.635
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		785.951.682.407	785.951.682.407
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(579.691.288.033)	(564.316.444.165)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		20.868.879.905	20.868.879.905
Tài sản dài hạn khác	260		195.576.582.951	232.670.389.171
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	80.170.078.723	81.391.056.573
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	100.529.976.828	132.105.079.939
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	12(b)	14.876.527.400	19.174.252.659
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		20.023.958.219.761	21.339.030.689.117

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		4.259.862.247.251	4.795.124.628.954
Nợ ngắn hạn	310		4.041.009.822.174	4.566.917.970.942
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	1.944.918.272.419	3.022.301.483.709
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.552.934.169	6.613.217.926
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20	390.478.479.448	216.566.818.802
Phải trả người lao động	314		188.059.028.183	162.718.850.131
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	591.367.557.320	179.411.708.217
Phải trả ngắn hạn khác	319	22(a)	815.138.424.574	879.882.770.247
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	103.495.126.061	99.423.121.910
Nợ dài hạn	330		218.852.425.077	228.206.658.012
Phải trả dài hạn khác	337	22(b)	51.602.316.000	51.602.316.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	85.549.379.148	92.606.211.882
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		81.700.729.929	83.998.130.130
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		15.764.095.972.510	16.543.906.060.163
Vốn chủ sở hữu	410	25	15.764.095.972.510	16.543.906.060.163
Vốn cổ phần	411	26	6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	760.819.802.040	760.819.802.040
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.590.464.310.470	9.370.274.398.123
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.186.959.669.061	4.958.755.506.355
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.403.504.641.409	4.411.518.891.768
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		20.023.958.219.761	21.339.030.689.117

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán

Người duyệt:



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Teo Hong Keng
Phó Tổng Giám đốc



Neo Gim Siong Bennett
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	13.022.899.257.153	18.926.047.189.370
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	-	1.829.235.021
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	30	13.022.899.257.153	18.924.217.954.349
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	11.070.075.097.550	16.639.924.756.572
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.952.824.159.603	2.284.293.197.777
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	1.003.291.692.005	1.791.532.648.635
Chi phí tài chính	22	33	19.119.293.319	(67.449.702.967)
Chi phí bán hàng	25	34	1.046.311.388.223	749.777.309.723
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	210.272.328.630	146.599.480.095
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		1.680.412.841.436	3.246.898.759.561
Thu nhập khác	31		1.947.649.603	3.515.484.753
Chi phí khác	32		1.445.985.350	8.635.239.440
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		501.664.253	(5.119.754.687)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.680.914.505.689	3.241.779.004.874
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	221.058.261.169	349.702.247.185
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	31.575.103.111	7.726.772.185
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.428.281.141.409	2.884.349.985.504

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán

Người duyệt:



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng



Teo Hong Keng
Phó Tổng Giám đốc



Neo Gim Siong Bennett
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		1.680.914.505.689	3.241.779.004.874
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		73.705.630.989	119.482.001.123
Các khoản dự phòng	03		18.950.169.961	(68.076.636.785)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(26.351.736)	108.098.471
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(970.779.185.191)	(1.787.824.432.810)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		802.764.769.712	1.505.468.034.873
Biến động các khoản phải thu	09		(342.374.380.993)	423.509.819.052
Biến động hàng tồn kho	10		194.532.762.767	33.169.043.253
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(419.705.401.287)	(651.649.602.394)
Biến động chi phí trả trước	12		(6.438.291.883)	9.278.607.185
			228.779.458.316	1.319.775.901.969
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(268.036.799.668)	(408.099.268.309)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.056.832.734)	(71.242.308.565)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(46.314.174.086)	840.434.325.095

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(67.107.909.056)	(19.890.982.841)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	1.958.000.000
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(5.761.000.000.000)	(4.987.000.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24		7.059.000.000.000	3.480.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.052.517.367.717	1.138.205.046.308
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.283.409.458.661	(386.727.936.533)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi trả cổ tức	36		(2.244.476.103.975)	(216.875.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.244.476.103.975)	(216.875.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(7.380.819.400)	453.489.513.562
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		2.341.350.753.751	2.540.016.444.290
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(276.076.790)	(62.065.790)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	7	2.333.693.857.561	2.993.443.892.062

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Teo Hong Keng
Phó Tổng Giám đốc



Neo Gim Siong Bennett
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị bao gồm Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước Giải khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4106000268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4103010027 vào ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “SAB” theo Quyết định Niêm yết số 470/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 11 năm 2016.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm vật liệu và bao bì.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Cấu trúc của Tổng Công ty bao gồm Văn phòng Tổng Công ty, Nhà máy bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh và Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi, là hai nhà máy hoạt động và hạch toán độc lập, chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Hoạt động chính	Địa chỉ
Nhà máy bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Số 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Khu C1, Đường D3, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty có 25 công ty con sở hữu trực tiếp và 13 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát đầu tư trực tiếp (1/1/2020: 25 công ty con sở hữu trực tiếp và 13 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát đầu tư trực tiếp) như được trình bày ở Thuyết minh 8(b).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngoài ra, Tổng Công ty đầu tư gián tiếp vào 1 công ty con và 5 công ty liên kết (1/1/2020: 1 công ty con và 5 công ty liên kết), chi tiết như sau:

				30/6/2020		1/1/2020	
				% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính				
Công ty con sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây							
1	Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	Lô S, Khu Công Nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng và nước tinh khiết đóng chai	51%	100%	51%	100%
Các công ty liên kết							
1	Công ty Cổ phần Tư vấn và Chuyên giao Công nghệ Thành Nam	50A Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn xây dựng và thiết kế	28,57%	28,57%	28,57%	28,57%
2	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp	3E/5, Đường Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, lắp đặt các sản phẩm máy móc cầu đường và xây dựng công nghiệp	26%	26%	26%	26%
3	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Lô B5, Khu Công Nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	10,2%	20%	10,2%	20%
4	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	Số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, gia công và kinh doanh thực phẩm, nước giải khát, bia và nước uống có cồn	21,8%	22,18%	21,8%	22,18%
5	Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	Lô 22, KCN Trà Nóc 1, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát, sữa đậu nành và nước ép trái cây	27,62%	34,92%	27,62%	34,92%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty có 787 nhân viên (1/1/2020: 790 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản phải thu về cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 3 – 8 năm |
| ▪ thiết bị quản lý | 3 – 6 năm |

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai (2003) mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất là từ 40 đến 49 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 20 năm

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Doanh thu cho thuê*

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

- Bán bia, bao gồm hàng hóa và thành phẩm;
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

5. Ảnh hưởng của Vi rút Corona 2019 và các quy định mới

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty. Nghị định 100/2019/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 cũng ảnh hưởng đến ngành sản xuất kinh doanh bia rượu. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Mặc dù Việt Nam đã cho phép tất cả các lĩnh vực kinh doanh được mở cửa hoạt động trở lại, nhưng hoạt động du lịch quốc tế vẫn tạm thời bị đóng cửa. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

6. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Bộ phận kinh doanh của Tổng Công ty được chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bán bia, bao gồm hàng hóa và thành phẩm;
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động khác.

Trong kỳ, các hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Tổng Công ty và tài sản và nợ phải trả của Tổng Công ty tại ngày báo cáo chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh bia. Theo đó, thông tin tài chính được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh bia của Tổng Công ty. Thuyết minh 30 và Thuyết minh 31 trình bày chi tiết doanh thu và giá vốn của từng loại sản phẩm, vì vậy đã cung cấp đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động của mỗi bộ phận kinh doanh như được phân loại ở trên.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tổng Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Tổng Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	149.296.222	130.092.303
Tiền gửi ngân hàng	128.544.561.339	56.220.661.448
Các khoản tương đương tiền (*)	2.205.000.000.000	2.285.000.000.000
	2.333.693.857.561	2.341.350.753.751

- (*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng. Các khoản tương đương tiền được gửi bằng VND và hưởng lãi suất là 4,25% một năm (1/1/2020: 5,0% một năm).

8. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 6,2% đến 7,8% một năm (1/1/2020: từ 6,6% đến 7,8% một năm).

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh khoản đầu tư của Tổng Công ty vào trái phiếu của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam. Toàn bộ khoản đầu tư này đã được lập dự phòng.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	30/6/2020			1/1/2020		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào các công ty con (i)	2.837.212.995.029	(134.686.128.581)	2.702.526.866.448	2.837.212.995.029	(119.748.247.313)	2.717.464.747.716
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (ii)	613.705.350.635	(108.857.170.530)	504.848.180.105	613.705.350.635	(108.857.170.530)	504.848.180.105
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (iii)	785.951.682.407	(336.147.988.922)	449.803.693.485	785.951.682.407	(335.711.026.322)	450.240.656.085
	4.236.870.028.071	(579.691.288.033)	3.657.178.740.038	4.236.870.028.071	(564.316.444.165)	3.672.553.583.906

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty	30/6/2020				1/1/2020			
	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	51%	100.424.933.209	271.322.550.000	-	51%	100.424.933.209	367.243.095.000	-
▪ Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	62,06%	236.167.400.000	121.540.650.000	(114.626.750.000)	62,06%	236.167.400.000	144.691.250.000	(91.476.150.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	66,56%	299.548.230.160	619.485.800.000	-	66,56%	299.548.230.160	830.393.700.000	-
▪ Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	91,75%	208.414.271.535	(*)	-	91,75%	208.414.271.535	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	51,24%	17.650.697.182	54.565.275.000	-	51,24%	17.650.697.182	54.565.275.000	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	54,73%	76.324.868.844	58.481.472.000	(17.843.396.844)	54,73%	76.324.868.844	52.148.278.000	(24.176.590.844)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	68,78%	314.250.000.000	343.328.350.000	-	68,78%	314.250.000.000	416.927.450.000	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	52,11%	93.800.000.000	169.899.940.000	-	52,11%	93.800.000.000	225.120.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	100%	700.000.000.000	(*)	-	100%	700.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	94,72%	37.422.345.046	(*)	-	94,72%	37.422.345.046	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	95,07%	37.369.732.632	(*)	-	95,07%	37.369.732.632	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	94,42%	83.141.000.000	(*)	-	94,42%	83.141.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	91,24%	54.546.288.176	(*)	-	91,24%	54.546.288.176	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	90%	36.541.448.653	(*)	-	90%	36.541.448.653	(*)	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty	30/6/2020				1/1/2020			
	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	90,14%	55.799.775.209	(*)	-	90,14%	55.799.775.209	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	90,68%	36.362.195.948	(*)	-	90,68%	36.362.195.948	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	90%	36.265.354.767	(*)	-	90%	36.265.364.767	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	90%	36.798.955.472	(*)	-	90%	36.798.955.472	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	100%	59.365.663.690	(*)	-	100%	59.365.663.690	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	90,45%	36.000.000.000	(*)	-	90,45%	36.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	100%	120.000.000.000	(*)	-	100%	120.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	76,81%	55.174.824.506	(*)	(2.215.981.737)	76,81%	55.174.824.506	(*)	(4.095.506.469)
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn	100%	10.000.000	(*)	-	100%	10.000.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn	100%	10.000.000	(*)	-	100%	10.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	52,91%	105.825.000.000	(*)	-	52,91%	105.825.000.000	-	-
		<u>2.837.212.995.029</u>	<u>(134.686.128.581)</u>			<u>2.837.212.995.029</u>		<u>(119.748.247.313)</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Tên công ty	30/6/2020				1/1/2020			
	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Trường Sa	28,35%	4.725.000.000	(*)	(4.725.000.000)	28,35%	4.725.000.000	(*)	(4.725.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	26%	26.000.000.000	(*)	-	26%	26.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	27,03%	33.787.500.000	57.391.447.500	-	27,03%	33.787.500.000	82.867.222.500	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	32,22%	103.174.711.495	301.023.461.900	-	32,22%	103.174.711.495	378.924.102.200	-
▪ Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	29%	72.500.000.000	(*)	(72.500.000.000)	29%	72.500.000.000	(*)	(72.500.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	20%	30.000.000.000	(*)	-	20%	30.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	20%	23.000.000.000	(*)	-	20%	23.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	25%	43.111.007.200	(*)	-	25%	43.111.007.200	(*)	-
▪ Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	30%	113.224.326.586	(*)	-	30%	113.224.326.586	(*)	-
▪ Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	30%	86.338.395.824	(*)	-	30%	86.338.395.824	(*)	-
▪ Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	35%	26.212.239.000	(*)	-	35%	26.212.239.000	(*)	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư vào các công ty liên liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (tiếp theo)

Tên công ty	30/6/2020				1/1/2020			
	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	45%	31.632.170.530	(*)	(31.632.170.530)	45%	31.632.170.530	(*)	(31.632.170.530)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	20%	20.000.000.000	(*)	-	20%	20.000.000.000	(*)	-
		<u>613.705.350.635</u>		<u>(108.857.170.530)</u>		<u>613.705.350.635</u>		<u>(108.857.170.530)</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Tên công ty	30/6/2020			1/1/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	216.579.320.000	278.897.664.205	-	216.579.320.000	234.115.429.133	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	46.000.000.000	(*)	-	46.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần PVI	51.475.140.000	14.516.868.600	(36.958.271.400)	51.475.140.000	14.953.831.200	(36.521.308.800)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Không Gian Ngầm	23.085.000.000	(*)	(23.085.000.000)	23.085.000.000	(*)	(23.085.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	30.700.950.000	10.437.000.000	(30.700.950.000)	30.700.950.000	7.056.000.000	(30.700.950.000)
▪ Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)
▪ Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	26.588.267.394	(*)	-	26.588.267.394	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	19.690.000.000	(*)	-	19.690.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	126.429.237.491	(*)	-	126.429.237.491	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)
▪ Công ty TNHH Đầu Tư Sabeco HP	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Đồng Nai	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)
	<u>785.951.582.407</u>		<u>(336.147.988.922)</u>	<u>785.951.682.407</u>		<u>(335.711.026.322)</u>

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	785.951.682.407	808.576.870.344
Giảm thông qua cần trừ với khoản phải trả khác	-	(15.350.000.000)
Xóa sổ trong kỳ	-	(7.275.187.937)
Số dư cuối kỳ	785.951.682.407	785.951.682.407

(iv) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	564.316.444.165	531.952.510.085
Dự phòng trích lập trong kỳ	23.587.562.600	6.975.442.055
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(8.212.718.732)	(75.321.510.550)
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	(7.275.187.937)
Số dư cuối kỳ	579.691.288.033	456.331.253.653

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	124.624.203.968	110.147.479.750
Các khách hàng khác	510.898.312.657	168.374.495.754
	635.522.516.625	278.521.975.504

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	124.624.203.968	110.147.479.750
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	55.971.873.891	6.819.807.138
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	42.019.915.754	15.758.874.428
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	36.527.380.217	13.120.538.774
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	35.176.960.901	5.453.717.282
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	29.048.138.944	13.838.537.106
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	22.123.016.930	5.436.154.202
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	11.295.552.432	2.081.860.783
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	9.023.687.519	1.996.436.033
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	2.068.000	-
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	31.230.511.376	9.474.647.771
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	28.516.000.202	25.177.567.972
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	27.284.532.193	8.273.322.123
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	21.909.077.859	7.622.147.366
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	20.252.741.373	10.112.131.104
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	20.185.637.833	5.464.742.048
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	17.241.181.755	7.636.502.161
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	11.697.232.089	6.307.906.113
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	5.940.618.940	-

10. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Phải thu do chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư và phần vốn góp trong công ty liên kết	277.230.733.543	277.230.733.543
Phải thu tiền lãi từ cho vay, tiền gửi ngân hàng và trái phiếu	301.300.181.551	303.797.011.694
Phải thu về cổ tức	116.701.668.261	195.943.020.644
Phải thu ngắn hạn khác	39.232.484.809	39.917.700.119
	734.465.068.164	816.888.466.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	103.190.759.445	139.368.231.654
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	5.369.908.816	7.974.218.490
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	29.700.000	29.700.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	10.303.050	9.225.945
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	-	2.298.800.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	-	4.744.400
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty TNHH Đầu tư Thương Mại Tân Thành	277.230.733.543	277.230.733.543
Công ty TNHH Bao Bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	8.141.000.000	8.141.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	83.916.000	83.916.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	-	33.660.770.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	-	4.500.000.000

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Phải thu Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh – công ty con	328.073.502.218	328.073.502.218
Ký quỹ, ký cược dài hạn	12.396.003.461	14.840.342.501
Phải thu dài hạn khác	8.028.765.000	8.028.765.000
	348.498.270.679	350.942.609.719

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

11. Dự phòng phải thu khó đòi

(a) Ngắn hạn

	30/6/2020				1/1/2020			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Trên 2 năm	194.071.317	(194.071.317)	-	Trên 2 năm	194.071.317	(194.071.317)	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	Trên 2 năm	5.732.607.752	(5.732.607.752)	-	Trên 2 năm	5.732.607.752	(5.732.607.752)	-
Phải thu ngắn hạn khác	Trên 2 năm	322.185.315.187	(322.185.315.187)	-	Trên 2 năm	322.185.315.187	(322.185.315.187)	-
		328.111.994.256	(328.111.994.256)	-		328.111.994.256	(328.111.994.256)	-

(b) Dài hạn

	30/6/2020					1/1/2020			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	Trên 2 năm	20.868.879.905	(20.868.879.905)	-		Trên 2 năm	20.868.879.905	(20.868.879.905)	-
Phải thu về cho vay dài hạn	Trên 2 năm	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-		Trên 2 năm	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-
Phải thu dài hạn khác	Trên 2 năm	8.065.430.900	(8.065.430.900)	-		Trên 2 năm	8.065.430.900	(8.065.430.900)	-
		32.934.310.805	(32.934.310.805)	-			32.934.310.805	(32.934.310.805)	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	30/6/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang				
đi trên đường	44.781.840.232	-	205.937.696.242	-
Nguyên vật liệu	182.090.377.776	(3.321.673.220)	189.126.200.142	(12.887.016.938)
Công cụ và dụng cụ	23.144.458.458	(20.946.071.898)	26.329.977.948	(21.319.180.051)
Chi phí sản xuất				
kinh doanh dở dang	76.281.551.039	-	86.779.620.474	-
Thành phẩm	14.909.949.154	-	37.535.346.836	-
Hàng hóa	4.155.649.627	-	2.432.152.780	-
	345.363.826.286	(24.267.745.118)	548.140.994.422	(34.206.196.989)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có 24.268 triệu VND (1/1/2020: 34.206 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời hoặc chậm luân chuyển khó tiêu thụ được.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	34.206.196.989	46.716.160.368
Dự phòng trích lập trong kỳ	456.140.763	257.347.693
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(681.801.274)	(2.005.822.221)
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(9.712.791.360)	-
Chuyển sang dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	-	(2.136.869)
Số dư cuối kỳ	24.267.745.118	44.965.548.971

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	39.892.321.034	(25.015.793.634)	41.360.707.025	(22.186.454.366)

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	22.186.454.366	13.275.686.044
Dự phòng trích lập trong kỳ	4.065.679.165	3.230.259.465
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(1.236.339.897)	(1.212.353.227)
Chuyển từ dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	2.136.869
Số dư cuối kỳ	25.015.793.634	15.295.729.151

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Chi phí bảng hiệu quảng cáo	61.093.604.953	56.306.151.145
Công cụ và dụng cụ	10.180.647.060	9.321.970.500
Chi phí trả trước khác	3.142.233.326	1.129.093.961
Tổng	74.416.485.339	66.757.215.606

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Tài sản chờ góp	Bao bì	Công cụ và	Tổng
	vốn đầu tư (*)	luân chuyển	dụng cụ và	
	VND	VND	các chi phí khác	VND
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	51.602.316.000	17.835.289.634	11.953.450.939	81.391.056.573
Tăng trong kỳ	-	9.893.840.360	1.662.600.000	11.556.440.360
Phân bổ trong kỳ	-	(9.450.416.504)	(3.327.001.706)	(12.777.418.210)
Số dư cuối kỳ	51.602.316.000	18.278.713.490	10.289.049.233	80.170.078.723

(*) Tài sản chờ góp vốn đầu tư phản ánh giá trị quyền sử dụng đất chờ bàn giao (Thuyết minh 22(b)).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	582.647.546.474	2.668.371.567.310	58.311.705.935	103.470.211.842	3.412.801.031.561
Tăng trong kỳ	-	900.000.000	-	9.583.947.617	10.483.947.617
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	504.464.721	183.005.271.803	-	-	183.509.736.524
Số dư cuối kỳ	583.152.011.195	2.852.276.839.113	58.311.705.935	113.054.159.459	3.606.794.715.702
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	413.346.672.128	2.328.014.058.997	47.798.319.110	79.456.541.925	2.868.615.592.160
Khấu hao trong kỳ	11.670.643.871	54.101.237.158	1.687.661.171	5.260.480.129	72.720.022.329
Số dư cuối kỳ	425.017.315.999	2.382.115.296.155	49.485.980.281	84.717.022.054	2.941.335.614.489
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	169.300.874.346	340.357.508.313	10.513.386.825	24.013.669.917	544.185.439.401
Số dư cuối kỳ	158.134.695.196	470.161.542.958	8.825.725.654	28.337.137.405	665.459.101.213

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 2.185.415 triệu VND (1/1/2020: 1.675.397 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 67.671 triệu VND (1/1/2020: 55.818 triệu VND).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình Tổng Công ty cho các công ty con và công ty liên kết thuê có thu phí là 86.394 triệu VND (1/1/2020: 86.394 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	929.359.796.577	63.411.807.247	992.771.603.824
Tăng trong kỳ	-	376.845.000	376.845.000
Số dư cuối kỳ	929.359.796.577	63.788.652.247	993.148.448.824
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	61.373.443.056	62.368.582.067	123.742.025.123
Khấu hao trong kỳ	2.311.685.832	448.977.056	2.760.662.888
Số dư cuối kỳ	63.685.128.888	62.817.559.123	126.502.688.011
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	867.986.353.521	1.043.225.180	869.029.578.701
Số dư cuối kỳ	865.674.667.689	971.093.124	866.645.760.813

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 60.512 triệu VND (1/1/2020: 60.512 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

- (*) Trong quyền sử dụng đất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các quyền sử dụng đất với giá trị là 735.380 triệu VND được Tổng Công ty ghi nhận theo giá tạm tính tăng thêm vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa của Tổng Công ty do Ban Quyết toán cổ phần hóa gồm các đại diện từ Bộ Công thương và Bộ Tài chính thực hiện tại ngày 30 tháng 4 năm 2008 lập vào ngày 6 tháng 3 năm 2010. Tổng Công ty đã ghi nhận tăng giá trị quyền sử dụng đất này vào tài khoản “Tài sản cố định vô hình”, đồng thời ghi tăng tương ứng một khoản phải trả Nhà nước trên tài khoản “Phải trả ngắn hạn khác” (Thuyết minh 22(a)).

Các khu đất này đã được Bộ Công thương giao cho Tổng Công ty quản lý và sử dụng theo quy hoạch của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để lập hợp đồng thuê đất. Hiện tại, Tổng Công ty đang sử dụng các khu đất này cho mục đích sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Quyền sử dụng đất cho các khu đất này chỉ có tính tạm thời, Tổng Công ty không được tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại, hay thế chấp các quyền sử dụng đất này.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Chi tiết giá trị quyền sử dụng đất theo giá trị tạm tính được xác định tại ngày 6 tháng 3 năm 2010 như sau:

STT	Địa chỉ	Diện tích m ²	Giá trị định giá khi xác định giá trị doanh nghiệp VND
1	46 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.872,5	55.241.212.500
2	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	17.406,1	418.634.111.100
3	474 Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	7.729,0	247.637.160.000
4	18/3B Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.216,3	13.867.389.100
			735.379.872.700

Tổng Công ty chưa trích khấu hao giá trị của các quyền sử dụng đất này do thời gian sử dụng chưa được xác định một cách đáng tin cậy tại ngày lập báo cáo tài chính. Trong kỳ, Tổng Công ty cũng đã hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng chi phí thuế sử dụng đất với số tiền là 18.379 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: 11.544 triệu VND) theo thông báo nộp thuế sử dụng đất của các chi cục thuế địa phương.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	7.859.289.977
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	4.289.684.845
Khấu hao trong kỳ	195.666.972
Số dư cuối kỳ	4.485.351.817
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	3.569.605.132
Số dư cuối kỳ	3.373.938.160

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	183.331.947.357	101.997.344.337
Tăng trong kỳ	32.995.660.094	44.202.084.465
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(183.509.736.524)	(675.350.333)
Chuyển sang hàng tồn kho	(813.912.046)	-
Số dư cuối kỳ	32.003.958.881	145.524.078.469

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Hệ thống xử lý nước thải	11.401.026.354	4.142.426.410
Cải tạo nhà xưởng, đầu tư thiết bị nấu tại nhà máy bia		
Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh	-	88.942.805.924
Hệ thống lọc bia	-	78.259.723.681
Các công trình khác	20.602.932.527	11.986.991.342
	32.003.958.881	183.331.947.357

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:			
▪ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20%	62.001.928.311	63.175.917.370
▪ Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	20%	26.367.029.101	53.314.539.688
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	20%	9.856.707.749	11.278.530.270
▪ Dự phòng phải thu khó đòi	20%	2.304.311.667	4.336.092.611
		100.529.976.828	132.105.079.939

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ
	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hanacans	193.497.519.733	254.780.485.076
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	176.834.141.167	226.245.964.160
Các nhà cung cấp khác	1.574.586.611.519	2.541.275.034.473
	1.944.918.272.419	3.022.301.483.709

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ
	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	94.218.518.779	27.728.275.300
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	57.260.736.258	37.502.899.391
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	55.658.773.345	105.687.151.380
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	44.650.689.732	38.383.956.600
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	42.824.271.600	23.160.534.650
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	29.287.306.304	88.288.744.524
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	26.028.619.716	49.937.561.300
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	23.513.227.107	52.125.690.926
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	21.987.622.800	23.581.439.310
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	21.710.838.181	63.098.950.611
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	21.418.463.990	6.883.324.360
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	11.604.902.421	5.958.296.542
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	11.101.649.986	38.472.061.058
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	9.890.933.867	98.889.546.649
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	9.291.597.054	129.950.035.850
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	7.611.983.720	8.659.671.680
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	7.564.082.790	845.928.600
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	7.511.487.722	51.600.146.861
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	6.007.620.141	43.898.391.736
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	4.467.317.819	11.067.146.696
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	3.591.162.480	43.179.760.397
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	1.851.745.918	13.493.271.489
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	16.697.010	23.887.582

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan (tiếp theo)

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	176.834.141.167	226.245.964.160
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	74.688.512.400	63.993.357.149
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	27.933.154.439	52.036.671.280
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	27.335.652.080	18.409.920.276
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	23.406.841.920	24.851.400.970
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	16.890.111.040	27.107.766.113
Công ty TNHH Bao Bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	12.036.337.500	15.413.376.691
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	11.499.807.913	8.441.778.004
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	9.516.276.000	5.565.963.898
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	7.724.833.600	21.125.716.480
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	5.506.518.600	4.688.242.020
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam	83.262.174.966	52.601.015.251

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã cân trừ trong kỳ VND	30/6/2020 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	84.267.946.864	1.275.942.972.479	(1.117.393.854.043)	-	242.817.065.300
Thuế thu nhập doanh nghiệp	114.793.834.711	221.058.261.169	(268.036.799.668)	-	67.815.296.212
Thuế giá trị gia tăng	-	1.803.893.708.905	(269.132.910.414)	(1.472.727.021.155)	62.033.777.336
Thuế thu nhập cá nhân	14.701.660.292	4.356.638.303	(14.206.691.359)	-	4.851.607.236
Thuế xuất nhập khẩu	-	5.336.058.713	(5.336.058.713)	-	-
Thuế đất	1.581.049.815	60.628.619.454	(50.478.551.936)	-	11.731.117.333
Thuế tài nguyên	50.797.120	288.554.800	(297.480.880)	-	41.871.040
Các loại thuế khác	1.171.530.000	1.270.361.392	(1.254.146.401)	-	1.187.744.991
	216.566.818.802	3.372.775.175.215	(1.726.136.493.414)	(1.472.727.021.155)	390.478.479.448

Trong năm 2018, Tổng Công ty nhận được Thông báo từ cơ quan thuế yêu cầu nộp tiền phạt thuế và lãi chậm nộp trên số thuế tiêu thụ đặc biệt phát sinh trong giai đoạn từ 2007 đến 2015 mà Tổng Công ty đã nộp trước đó. Trong tháng 4 năm 2020, Tổng Công ty đã nhận được phản hồi chính thức từ các cơ quan chức năng xác nhận rằng vấn đề trên đã được giải quyết.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	562.280.482.894	163.862.790.839
Chi phí phải trả khác	29.087.074.426	15.548.917.378
	591.367.557.320	179.411.708.217

22. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (*)	735.379.872.700	735.379.872.700
Quỹ khen thưởng, phúc lợi phải trả cho các công ty con	42.236.388.197	42.274.455.947
Cổ tức phải trả	6.707.517.625	6.699.470.600
Phải trả ngắn hạn khác	30.814.646.052	95.528.971.000
	815.138.424.574	879.882.770.247

- (*) Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được ghi nhận theo Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa do Ban Quyết toán Cổ phần hóa, đại diện của Bộ Công thương và Bộ Tài chính, lập ngày 6 tháng 3 năm 2010 (Thuyết minh 15).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại		
Bia Sài Gòn	25.517.600.272	25.555.668.022
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	9.934.257.212	8.995.213.962
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	8.988.336.717	8.988.336.717
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	1.522.160.540	1.522.160.540
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	739.328.874	739.328.874
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	437.717.745	437.717.745
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	195.775.466	163.171.380
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	106.561.973	106.561.973
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	82.229.450	82.229.450
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	52.063.478	52.063.478
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	12.932.851	12.932.851
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	287.780.949	287.780.949
Các bên liên quan khác		
Super Brands Company Pte. Ltd.	304.650.459	6.246.344.005
Fraser and Neave, Limited	232.887.356	2.425.671.710
Fraser & Neave (Singapore) Pte. Limited	2.000.000	874.455.121

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước (Thuyết minh 13(b))	51.602.316.000	51.602.316.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Tổng Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	99.423.121.910	73.705.919.202
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 25)	24.776.500.000	48.115.251.112
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)	(20.704.495.849)	9.856.905.653
Điều chuyển về các công ty con	-	(14.663.971.484)
Sử dụng trong kỳ	-	(65.693.313.735)
Số dư cuối kỳ	103.495.126.061	51.320.790.748

24. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	92.606.211.882	99.246.846.000
Dự phòng trích lập trong kỳ	971.647.336	-
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(8.028.480.070)	(5.548.994.830)
Số dư cuối kỳ	85.549.379.148	93.697.851.170

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	6.412.811.860.000	760.819.802.040	5.932.879.551.458	13.106.511.213.498
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	2.884.349.985.504	2.884.349.985.504
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	(48.115.251.112)	(48.115.251.112)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	(9.856.905.653)	(9.856.905.653)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(20.232.463.045)	(20.232.463.045)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	(2.345.360.450)	(2.345.360.450)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2019	6.412.811.860.000	760.819.802.040	8.736.679.556.702	15.910.311.218.742
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	1.663.851.414.627	1.663.851.414.627
Cổ tức	-	-	(961.921.779.000)	(961.921.779.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(48.102.331.162)	(48.102.331.162)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(20.232.463.044)	(20.232.463.044)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	6.412.811.860.000	760.819.802.040	9.370.274.398.123	16.543.906.060.163
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	1.428.281.141.409	1.428.281.141.409
Cổ tức (Thuyết minh 28)	-	-	(2.244.484.151.000)	(2.244.484.151.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	(24.776.500.000)	(24.776.500.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	20.704.495.849	20.704.495.849
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	40.464.926.089	40.464.926.089
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	6.412.811.860.000	760.819.802.040	8.590.464.310.470	15.764.095.972.510

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	641.281.186	6.412.811.860.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	641.281.186	6.412.811.860.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019.

27. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

28. Cổ tức

Nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty ngày 21 tháng 1 năm 2020 đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 2.244.484 triệu VND (tương đương 3.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: Không).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng một năm	41.627.507.049	32.435.502.929
Từ hai đến năm năm	21.798.847.988	9.320.157.892
Sau năm năm	54.446.144.124	55.008.627.615
	117.872.499.161	96.764.288.436

(b) Hàng hóa nhận giữ hộ các bên khác

	Đơn vị	30/6/2020	1/1/2020
Vỏ chai	cái	2.061.874	3.421.939
Két nhựa	cái	163.469	78.075
Pallet	cái	17.091	-
Nắp	cái	-	5.000.000
Nhãn	bộ	-	3.073.600
Thùng	cái	-	13.645

(c) Ngoại tệ các loại

	30/6/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.303.382	53.247.270.367	410.276	9.479.842.801
EUR	613	15.784.898	4.723	121.650.281
		53.263.055.265		9.601.493.082

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	15.245.838.938	40.867.654.179

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa	8.975.985.341.092	13.215.932.401.925
▪ Bán nguyên vật liệu	2.256.378.638.228	3.604.235.295.102
▪ Bán thành phẩm	1.771.554.165.943	2.084.049.238.858
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	3.047.497.138.422	3.588.777.011.519
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(1.275.942.972.479)	(1.504.727.772.661)
▪ Doanh thu khác	18.981.111.890	21.830.253.485
	13.022.899.257.153	18.926.047.189.370
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	-	1.829.235.021
Doanh thu thuần	13.022.899.257.153	18.924.217.954.349

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	7.716.227.449.365	11.710.569.326.676
Giá vốn nguyên vật liệu đã bán	2.254.967.847.721	3.609.367.228.101
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.094.734.696.338	1.317.726.797.850
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	2.603.678.757	269.431.710
Giá vốn khác	1.541.425.369	1.991.972.235
	11.070.075.097.550	16.639.924.756.572

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia	546.315.210.060	1.451.394.628.746
Thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng	424.463.975.131	334.649.804.064
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	32.486.155.078	5.488.215.825
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	26.351.736	-
	1.003.291.692.005	1.791.532.648.635

33. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	15.374.843.868	(68.346.068.495)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.744.449.451	788.267.057
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	108.098.471
	19.119.293.319	(67.449.702.967)

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng	481.893.830.340	434.000.858.153
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	543.030.021.442	299.729.298.813
Chi phí nhân viên	16.184.201.162	13.065.434.182
Chi phí bán hàng khác	5.203.335.279	2.981.718.575
	1.046.311.388.223	749.777.309.723

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	102.406.360.480	75.533.004.425
Chi phí thuê	63.191.176.604	17.268.634.766
Chi phí khấu hao và phân bổ	6.329.237.501	7.549.276.643
Chi phí quản lý khác	38.345.554.045	46.248.564.261
	210.272.328.630	146.599.480.095

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	829.809.324.106	966.631.236.836
Chi phí nhân công và nhân viên	174.896.277.077	204.051.362.339
Chi phí khấu hao và phân bổ	73.705.630.989	119.482.001.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.193.215.758.093	859.888.547.889
Chi phí khác	46.646.056.421	54.209.947.213

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	221.058.261.169	320.691.246.077
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	29.011.001.108
	221.058.261.169	349.702.247.185
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	31.575.103.111	7.726.772.185
	252.633.364.280	357.429.019.370

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.680.914.505.689	3.241.779.004.874
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	336.182.901.138	648.355.800.975
Thu nhập không bị tính thuế	(109.270.655.562)	(290.278.925.749)
Chi phí không được khấu trừ thuế	711.762.563	1.048.582.021
Sử dụng thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trong những năm trước	25.009.356.141	(30.707.438.985)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	29.011.001.108
	252.633.364.280	357.429.019.370

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong kỳ Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2019
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Công ty mẹ cấp trung gian		
BeerCo Limited		
Chi hộ Tổng Công ty	-	322.876.070
Công ty mẹ		
Công ty TNHH Vietnam Beverage		
Trả cổ tức	1.202.749.054.500	-
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn		
Mua nguyên vật liệu	74.101.025.700	68.869.871.200
Giao dịch khác	32.604.086	-
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân		
Bán nguyên vật liệu	38.814.685.499	75.573.499.832
Mua hàng hóa	120.429.457.120	207.537.599.980
Cung cấp dịch vụ	188.752.800	188.752.800
Cổ tức	-	4.611.150.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội		
Bán nguyên vật liệu	108.741.518.576	185.119.701.782
Mua hàng hóa	384.807.061.680	685.713.406.250
Cổ tức	9.380.000.000	28.140.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh		
Bán nguyên vật liệu	9.958.209.070	22.345.142.236
Mua hàng hóa	78.365.074.600	130.617.518.400
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi		
Bán nguyên vật liệu	230.881.365.890	302.736.369.149
Mua hàng hóa	763.661.193.160	974.869.900.380
Giao dịch khác	85.000.000	-
Cổ tức	-	65.890.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2019
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam		
Bán nguyên vật liệu	181.703.784.444	288.327.306.221
Mua hàng hóa	608.160.177.110	948.185.223.660
Cổ tức	-	18.570.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây		
Bán nguyên vật liệu	50.332.619.949	63.117.831.961
Mua hàng hóa	266.955.056.610	355.269.618.960
Cổ tức	22.185.000.000	-
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	1.014.862.625	2.285.075.487
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	1.067.414.000	308.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	34.828.404.908	26.835.490.334
Chi phí vật phẩm quảng cáo	7.518.260.970	1.687.701.802
Cổ tức	-	25.164.554.554
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	14.660.645.222	26.581.464.546
Chi phí vật phẩm quảng cáo	1.514.773.530	2.482.816.973
Mua hàng hóa	2.337.175.470	600.000.000
Cổ tức	-	12.960.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	51.659.923.094	65.313.708.285
Chi phí vật phẩm quảng cáo	3.494.084.340	4.051.037.094
Mua hàng hóa	1.765.883.060	8.592.820
Cổ tức	-	30.610.800.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	66.013.952.531	39.338.816.109
Chi phí vật phẩm quảng cáo	6.082.844.350	3.656.640.541
Mua hàng hóa	-	9.464.920
Cổ tức	-	133.899.300.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	27.955.106.311	15.626.291.286
Chi phí vật phẩm quảng cáo	2.893.958.980	1.270.100.458
Mua hàng hóa	-	64.090.000
Cổ tức	-	58.254.776.313
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	35.561.838.703	18.422.704.048
Chi phí vật phẩm quảng cáo	2.988.730.950	1.259.993.582
Mua hàng hóa	2.231.850	-
Cổ tức	-	156.683.913.598
Giao dịch khác	-	198.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	77.005.783.743	48.185.812.035
Chi phí vật phẩm quảng cáo	4.027.709.180	1.432.438.911
Mua hàng hóa	-	166.634.000
Cổ tức	-	112.529.277.566
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	75.042.502.707	39.236.220.968
Chi phí vật phẩm quảng cáo	4.759.460.630	1.695.629.772
Mua hàng hóa	-	197.397.200
Cổ tức	-	74.520.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	35.942.211.116	16.188.292.704
Chi phí vật phẩm quảng cáo	9.357.196.090	1.390.839.653
Mua hàng hóa	40.728.000	43.581.200
Cổ tức	-	119.771.034.792
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	94.591.870.818	48.402.845.770
Chi phí vật phẩm quảng cáo	9.607.235.880	1.756.585.584
Mua hàng hóa	1.721.726.510	1.105.800.020
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Bán nguyên vật liệu	159.756.204.727	203.279.100.040
Mua hàng hóa	487.136.955.000	583.928.124.000
Phân phối lợi nhuận	22.511.789.375	31.178.918.719
Cung cấp dịch vụ	777.057.894	777.057.894

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng		
Bán nguyên vật liệu	127.263.725.935	200.977.871.805
Mua hàng hóa	415.284.715.580	605.080.258.800
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ bảo trì	17.507.040.989	19.122.431.176
Mua hàng hóa	3.071.468.479	-
Giao dịch khác	1.005.571.031	371.730.498
Phân phối lợi nhuận	-	549.403.910
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Bán hàng hóa và thành phẩm		
(không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	10.704.385.883.861	15.250.137.760.689
Phân phối lợi nhuận	439.886.644.270	357.314.588.347
Mua hàng hóa	20.614.061.960	4.688.386.920
Phí vận chuyển	523.679.881	514.988.737
Phí sử dụng pallet	1.424.673.652	454.405.110
Phí sử dụng vỏ chai	8.415.314.288	5.346.060.002
Cung cấp dịch vụ	319.169.650	319.169.650
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng		
Bán nguyên vật liệu	170.581.532.644	22.874.483.572
Mua hàng hóa	540.739.266.729	14.586.000.000
Cổ tức	10.582.500.000	-
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa		
Bán nguyên vật liệu	92.779.862.954	191.983.957.850
Mua hàng hóa	276.386.442.780	550.896.231.690
Cổ tức	2.600.000.000	3.900.000.000
Mua khác	5.460.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang		
Bán nguyên vật liệu	118.557.117.037	218.004.658.189
Mua hàng hóa	372.236.984.460	709.584.043.991
Cổ tức	2.300.000.000	4.600.000.000
Giao dịch khác	17.061.000	174.604.500

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung		
Bán nguyên vật liệu	149.936.954.943	327.127.626.702
Mua hàng hóa	593.450.975.590	1.101.568.091.300
Cổ tức	-	19.234.726.000
Mua khác	1.059.630.644	39.564.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ		
Bán nguyên vật liệu	76.083.140.292	174.358.403.021
Mua hàng hóa	231.260.748.600	476.111.180.320
Cổ tức	-	6.757.500.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long		
Bán nguyên vật liệu	113.233.586.170	200.260.674.846
Mua hàng hóa	386.152.257.720	670.343.010.816
Cổ tức	-	4.500.000.000
Cung cấp dịch vụ	1.628.608.098	1.638.389.053
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre		
Bán nguyên vật liệu	104.881.663.715	169.440.355.627
Mua hàng hóa	361.021.039.600	585.970.019.480
Cổ tức	4.000.000.000	-
Giao dịch khác	27.750.000	126.913.500
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Bán nguyên vật liệu	168.874.746.833	313.749.266.648
Mua hàng hóa	549.068.307.280	1.031.773.178.350
Cổ tức	-	14.372.300.000
Giao dịch khác	69.288.720	327.694.500
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn		
Mua nguyên vật liệu	595.405.225.527	853.144.166.641
Cổ tức	-	128.123.009.996
Thu tiền bồi thường	-	86.281.577
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ		
Mua nguyên vật liệu	44.298.994.000	56.208.864.000
Bán phế liệu	236.645.638	-
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh		
Cổ tức	29.987.776.415	29.213.424.951
Cung cấp dịch vụ	870.000.000	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương Thực Thực phẩm Trường Sa		
Mua nguyên vật liệu	-	852.643.400
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô		
Bán nguyên vật liệu	83.011.273.091	161.035.240.878
Mua hàng hóa	316.252.046.910	509.673.253.520
Cổ tức	2.881.500.000	3.745.950.000
Mua khác	485.471.800	109.147.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu		
Bán nguyên vật liệu	27.786.658.230	41.598.845.308
Mua hàng hóa	169.552.940.640	246.944.849.584
Giao dịch khác	32.791.500	-
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam		
Bán phế liệu	48.563.229	-
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam		
Mua nguyên vật liệu	280.784.138.538	106.951.121.968
InterBev (Singapore) Limited		
Bán hàng hóa	202.180.750	-
Giao dịch khác	214.472.290	-
Best Spirits Company Limited		
Bán hàng hóa và thành phẩm	-	228.111.930
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)		
Mua hàng hóa	470.888.073	647.057.745
Super Brands Company Pte. Ltd.		
Chi hộ Tổng Công ty	1.729.552.487	-
Fraser and Neave. Limited		
Chi hộ Tổng Công ty	2.614.076.710	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và thù lao	18.700.907.345	15.580.453.858

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	6.745.790.074	25.211.907.303

40. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2019. Số liệu so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Teo Hong Keng
Phó Tổng Giám đốc



Neo Ginn Siong Bennett
Tổng Giám đốc

